

Bản án số: **223/2022/HNGĐ-ST**;

Ngày: 31/5/2022;

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Lưu;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **H**, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn T, xã A, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội

Trú tại: Thôn B, xã L, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh **L**, sinh năm 1980.

HKTT: Thôn T, xã A, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội

Hiện đang điều trị bệnh tâm thần tại Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội xã T, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Anh L là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 15/2021/QĐST-VDS ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

Vắng mặt.

*** Người đại diện theo pháp luật của anh L:** Ông H, sinh năm 1955 và bà P, sinh năm 1956; Cùng trú tại: thôn T, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (Bố mẹ anh L).

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị H và anh L, sinh năm 1980, HKTT: thôn T, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội ngày 06/3/2007. Sau khi tổ chức đám cưới vợ chồng chung sống bình thường. Quá trình chung sống đến năm 2009 vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn do anh L không đi làm và hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề. Năm 2010 anh L có biểu hiện bệnh tâm thần và đi điều trị tại Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội tại xã T, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Từ cuối năm 2010 hai vợ chồng sống ly thân, chị H về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn B, xã L, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội sinh sống đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu K, sinh ngày 25/01/2008. Hiện nay cháu K đang sống cùng ông bà nội cháu là ông H và bà P. Nếu vợ chồng ly hôn quan điểm của chị là giao cháu cho ông bà nội tiếp tục nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu khoản tiền trợ cấp của ông H cho cháu K, chị H chỉ đồng ý trả mỗi tháng là 650.000 đồng từ khi giải quyết xong vụ án ly hôn cho đến năm

cháu K đủ 18 tuổi. Tuy nhiên do điều kiện hiện tại nên chị chưa thể trả ngay khoản tiền này, vì vậy đề nghị được trả cho ông H vào nhiều đợt. Nếu ông H không đồng ý, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông H trình bày:**

Ông là bố đẻ và là người đại diện theo pháp luật của anh L, sinh năm 1980, HKTT: thôn T, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Năm 2007 anh L và chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội vào ngày 06/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L chị H chung sống với nhau bình thường. Quá trình chung sống được một thời gian, đến năm 2010 chị H tự ý bỏ nhà đi và về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn B, xã L, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Sau đó anh L đi điều trị bệnh tâm thần tại Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội tại xã T, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Từ đó đến nay hai vợ chồng anh L chị H sống ly thân, không còn quan tâm nhau.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu K, sinh ngày 25/01/2008. Cháu K do ông bà nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến nay. Nếu anh L, chị H ly hôn ông đề nghị giao cháu K cho ông bà tiếp tục nuôi dưỡng.

Nay chị H xin ly hôn với anh L, về cơ bản ông H đồng ý nhưng yêu cầu chị H phải trả khoản trợ cấp mà lẽ ra cháu K được hưởng do cháu có bố bị bệnh tâm thần, mẹ thì bỏ đi không nuôi dưỡng.

Cụ thể yêu cầu chị H trả khoản tiền mỗi tháng là 800.000 đồng (Mà lẽ ra cháu K được hưởng) từ đầu năm 2010 cho đến năm cháu K đủ 18 tuổi, nếu được như vậy ông đồng ý cho chị H ly hôn anh L. Về số tiền này, ông H yêu cầu được trả trước khi phiên tòa xét xử vụ ly hôn diễn ra.

Tại phiên tòa, ông H cho rằng, nếu khoản tiền trợ cấp của Nhà nước (800.000đ/1 tháng) không được chấp nhận thì yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu K 2.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 1 năm 2010 đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung của anh L và chị H: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh L.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu K, sinh ngày 25/1/2008 cho chị H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị H trả số tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho người đại diện theo pháp luật của anh L với mức 800.000đ/1 tháng kể từ tháng 1 năm 2010 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, bị đơn có nơi cư trú tại xã A, Hoài Đức, Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2007 tại UBND xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân. Từ năm 2010 anh L điều trị bệnh tâm thần tại Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội tại xã T, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và đã được Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, hiện anh L vẫn phải điều trị tại Trung tâm. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa anh L và

chị H không đạt được; ông H người đại diện theo pháp luật của anh L cho rằng, chị H phải trả ngay khoản tiền trợ cấp cho cháu K thì mới đồng ý cho anh L ly hôn chị H, xét yêu cầu của ông H là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, yêu cầu của chị H là có căn cứ, xét cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh L có một con chung là cháu K, sinh ngày 25/01/2008. Cháu K được ông bà nội là ông H và bà P nuôi dưỡng từ năm 02 tuổi cho đến nay. Khi ly hôn ông H, bà Phóng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K, xét cháu K ở với ông bà nội từ nhỏ, hiện cháu học ổn định tại trường Trung học cơ sở xã A, bản thân chị H cũng có nguyện vọng cho cháu được tiếp tục ở với ông bà nội.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K cũng như quá trình phát triển bình thường, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho người đại diện của anh L là ông H, bà Phóng tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông H yêu cầu 02 khoản, bao gồm: 800.000đ là khoản trợ cấp mà ông H cho rằng cháu K sẽ được Nhà nước trợ cấp nếu chị H đồng ý cho ông H làm thủ tục, tuy nhiên, qua xác minh cháu K không đủ điều kiện nhận trợ cấp xã hội và tại phiên tòa, ông H cũng đồng ý rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, ông H cho rằng, nếu khoản tiền trợ cấp của Nhà nước (800.000đ/1 tháng) không được chấp nhận thì yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu K là 2.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 1 năm 2010 đến năm cháu K đủ 18 tuổi. Chị H chỉ đồng ý cấp dưỡng cho cháu K số tiền 650.000đ/1 tháng kể từ khi giải quyết ly hôn đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng con chung là của bố mẹ, tuy nhiên anh L hiện không có khả năng lao động, ông H và bà Phóng là người hết tuổi lao động, chị H có thu nhập thấp, do đó chỉ có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H về việc buộc chị H cấp dưỡng nuôi con chung một lần với mức 800.000đ/1 tháng kể từ tháng 1 năm 2010 đến khi xét xử sơ thẩm và cấp dưỡng mỗi tháng 800.000đ kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và người đại diện của anh L là ông H, bà Phóng không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, chị H có đơn xin miễn giảm 1 phần án phí do thu nhập thấp và tác động của dịch COVID, do đó xét giảm một phần án phí dân sự cho chị H.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh L.

2. Về con chung: Giao cháu K, sinh ngày 25/01/2008 cho người đại diện theo pháp luật của anh L là ông H và bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người đại diện cho anh L số tiền 119.200.000đ (Một trăm mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) trong thời gian từ tháng 1 năm 2010 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2022).

Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho người đại diện theo pháp luật của anh L là ông H và bà P số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)/01 tháng kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị H H có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị H và người đại diện theo pháp luật của anh L là ông H, bà Phóng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

***Quyền yêu cầu thi hành án:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, 5.960.000 đồng (Năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung một lần, 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Tổng cộng là 6.560.000đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Giảm cho chị H 60% án phí, chị H còn phải nộp số tiền 2.624.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn đồng). Chị H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000 ngày 17 tháng 2 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, số tiền án phí chị H phải nộp tiếp là 2.324.000đ (Hai triệu ba trăm hai mươi tư nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn, Người đại diện hợp pháp cho bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Thạch Thán, H. Quốc Oai,
Tp. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Thạch Thán, H. Quốc Oai,
Tp. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

